

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2023/DS-ST

Ngày: 18 - 8 - 2023.

“V/v Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thỏ.

Ông Hoàng Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diên - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2023/QĐXXST-DS ngày 19/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 175/2023/QĐST-DS ngày 04/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Danh Thị Xà B**, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh T, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1/ Ông **Đặng Chí T.**(vắng mặt)

2/ Bà **Nguyễn Thị D.** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Danh Thị Xà B trình bày:

Khoảng tháng 10 năm 2017 bà có nhận cổ phần đất ruộng diện tích 2,5 công tâm cấy, thuộc thửa 610, tờ bản đồ 06, tọa lạc: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh

Sóc Trăng của ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị D với giá cổ là 50.000.000 đồng, thời hạn cổ 02 năm, việc cổ đất chỉ thỏa thuận miệng mà không có làm giấy tờ gì. Sau khi cổ thì bà canh tác được 01 vụ lúa thì không làm nữa do không tiện đường bơm nước nên bà đã thỏa thuận và trả đất lại cho ông T, bà D. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận và trả đất lại cho ông T nhưng ông T và bà D chỉ trả lại cho bà số tiền là 17.000.000 đồng còn nợ lại 33.000.000 đồng không trả. Bà nhiều lần yêu cầu nhưng ông T cứ hứa mà không trả. Có những lần bà điện thoại yêu cầu ông T trả tiền và bà có ghi âm lại các cuộc hội thoại này.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị D trả lại cho bà số tiền cổ đất còn nợ là 33.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì.

- Bị đơn ông Đặng Chí T trình bày:

Vợ chồng ông không có cổ đất cho phía bà Danh Thị Xà B. Trường hợp bà Danh Thị Xà B nói ông cổ đất thì phải cung cấp giấy tờ tài liệu chứng minh. Do ông không cổ đất nên đối với yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị Xà B về việc yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền cổ đất 33.000.000 đồng thì ông không đồng ý.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại tiền cổ đất còn nợ. Đồng thời, các bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng các bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền cổ đất còn nợ 33.000.0000 đồng. Theo nguyên đơn thì hai bên có thỏa thuận cổ phần đất ruộng diện tích là 2,5 công, thuộc thửa 610, tờ bản đồ 06 tọa lạc: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng với giá cổ là 50.000.000 đồng, thời hạn cổ 02 năm, chỉ có thỏa thuận miệng không có làm hợp đồng. Nguyên đơn canh tác được 01 vụ lúa không cổ nữa và trả lại đất cho bị đơn. Các bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn được 17.000.000 đồng và nợ lại 33.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải và biên bản lấy khai cùng ngày 12/6/2023 bị đơn ông Đặng Chí T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do bị đơn không có cổ đất cho nguyên đơn. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì nguyên đơn có cung cấp 01 USB ghi âm đoạn hội thoại giữa nguyên đơn với bị đơn ông Đặng Chí T trong đoạn ghi âm có đoạn “nguyên đơn nói: Nói chung em nói không phải em kể ơn, kể nghĩa. Anh em anh, chưa bao giờ ai cho anh mượn cái số tiền lớn 3-4 năm trời giống như em cho anh mượn, anh thấy đi tiền cổ đất 50 triệu, mới trả có 17 triệu còn 33 triệu từ khi trả đất. Tiền cổ đất 50 triệu mà làm có một vụ đông xuân mà tới bây giờ luôn. Bị đơn ông T đáp: Bây giờ anh nói em nghe nè, không nói gì để cãi gì hết, nói về anh em mình chỉ biết với nhau vậy thôi, để anh sắp xếp, để anh lo cho em trả cho em”. Ngoài ra, Tòa án có thông báo số 543/TB-TA ngày 19/7/2023 về việc thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tài liệu đương sự nộp bổ sung cho các bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay các bị đơn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đối với tài liệu nguyên đơn cung cấp bổ sung. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền cổ đất còn nợ 33.000.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 166, Điều 280 của Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 280 và Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Thị Xà B.

1. Buộc các bị đơn ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Danh Thị Xà B trả tiền cổ đất còn nợ là 33.000.000 đồng (*ba mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc các bị đơn ông Đặng Chí T và bà Nguyễn Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.650.000 đồng (*một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*).

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn